

# TIẾP CẬN TRIẾT HỌC TRONG NGHIÊN CỨU CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

LẠI QUỐC KHÁNH (\*)

*Bài viết trình bày cách tiếp cận mới trong nghiên cứu cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh - cách tiếp cận triết học. Cụ thể, tác giả đã vận dụng phương pháp tiếp cận của triết học Mác - Lênin để nghiên cứu, làm rõ thêm cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như bối cảnh lịch sử của sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo tác giả, khi nghiên cứu vấn đề này, cần đặc biệt coi trọng sự nhận thức tự giác và chủ động của Hồ Chí Minh về hoạt động thực tiễn, về các tư liệu tư tưởng và bối cảnh lịch sử.*

Tại Đại hội lần thứ VII, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”(1). Do đó, việc đi sâu nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành một nhiệm vụ quan trọng mà giới nghiên cứu lý luận ở Việt Nam, trong đó có giới nghiên cứu triết học, phải thực hiện. Trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, nghiên cứu các cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh có một vị trí quan trọng, mà theo cách nói của Đại tướng Võ Nguyên Giáp là giúp chúng ta “hiểu bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh”(2).

Những nghiên cứu trong và ngoài nước về cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều kết quả, từ đó hình thành nên khung tri thức về vấn đề này. Tuy nhiên, khi đi sâu xem xét những tài liệu trong đó trình bày các cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta sẽ thấy vấn đề *phương pháp tiếp cận* trong

nghiên cứu vấn đề này cần phải được đặt ra. Nếu không giải quyết thấu đáo điều đó sẽ đưa tới tình trạng lý giải tùy tiện, tức là không làm rõ được thực chất của các cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh và do vậy, sẽ rất khó khăn cho việc nhận thức bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh là một *nghiên cứu triết học*, là một *trường hợp* trong nghiên cứu vấn đề cơ bản của triết học. Vì thế, nó đòi hỏi phải áp dụng *phương pháp tiếp cận triết học*, mà đối với chúng ta, đó là phương pháp tiếp cận của triết học Mác - Lênin.

Vận dụng phương pháp tiếp cận của

(\*) Tiến sĩ, Bộ môn Khoa học chính trị, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.127.

(2) Võ Nguyên Giáp (chủ biên). *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.47.

triết học Mác - Lênin về vấn đề cơ bản của triết học vào nghiên cứu cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta có thể khẳng định rằng tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành từ những cơ sở thực tiễn, cơ sở lý luận và dựa trên bối cảnh lịch sử cụ thể. Đây là chỉ dẫn quan trọng; tuy nhiên, cần phải hiểu rằng, chỉ dẫn đó chỉ là một *giả thuyết mang tính định hướng*. Tự nó không phải là câu trả lời cho vấn đề cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Nó không thể giải đáp được câu hỏi: cơ sở hình thành tư tưởng của Hồ Chí Minh là gì?

Trong hầu hết các công trình nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh, dù nhiều hay ít, dù trực tiếp hay gián tiếp đều có trình bày các cơ sở và bối cảnh lịch sử của tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhưng tại sao cùng trình bày về cơ sở và bối cảnh của tư tưởng Hồ Chí Minh, song giữa sự trình bày của các nhà nghiên cứu, hay thậm chí giữa sự trình bày của cùng một nhà nghiên cứu ở những thời điểm khác nhau lại có sự khác biệt nhất định, nhất là khi luận giải cơ sở và bối cảnh của những vấn đề cụ thể? Thực ra, sự khác biệt đó là đương nhiên, bởi đã là trình bày cơ sở và bối cảnh của tư tưởng Hồ Chí Minh thực chất là sự trình bày *nhận thức* về cơ sở và bối cảnh ấy. Nếu đó là nhận thức *thuần túy của nhà nghiên cứu* thì giữa các nhà nghiên cứu khác nhau, hay giữa các thời kỳ khác nhau trong quá trình nghiên cứu của cùng một tác giả có sự khác biệt về nhận thức là điều dễ hiểu, bởi trình độ và năng lực nhận thức cũng như phong tri thức của các nhà nghiên cứu, hay của cùng một nhà nghiên cứu ở các thời kỳ khác nhau là không giống nhau. Nhưng chính sự khác nhau đó là một dấu hiệu cho thấy, cơ sở và bối cảnh của tư tưởng

Hồ Chí Minh chưa được nhận thức và trình bày thật chính xác.

Vậy làm thế nào để xác định và trình bày đúng cơ sở và bối cảnh của tư tưởng Hồ Chí Minh? Để lý giải vấn đề này, cần trở lại cách tiếp cận của triết học Mác - Lênin.

*Về cơ sở thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh*

C.Mác và Ph.Ăngghen viết: “Ý thức [das Bewußtsein] không bao giờ có thể là cái gì khác hơn là sự tồn tại được ý thức [das bewußt sein], và tồn tại của con người là quá trình đời sống hiện thực của con người”(3). Điều đó có nghĩa *cơ sở thực tiễn* của ý thức, tư tưởng con người là “tồn tại của con người” và “tồn tại của con người” chính là “quá trình đời sống hiện thực” của họ. Ý thức, do vậy, không có gì khác hơn chính là “quá trình đời sống hiện thực của con người” đã “được ý thức”.

Vận dụng quan điểm đó của C.Mác và Ph.Ăngghen, chúng ta có thể khẳng định, *cơ sở thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh* chính là “quá trình đời sống hiện thực” của Hồ Chí Minh. Và việc trình bày cơ sở thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh chính là trình bày “quá trình đời sống hiện thực” của Hồ Chí Minh.

Nhưng trình bày “quá trình đời sống hiện thực” của Hồ Chí Minh là trình bày cái gì? Đó chính là “sự miêu tả hoạt động thực tiễn và quá trình thực tiễn của sự phát triển của con người”(4), tức là “miêu tả hoạt động thực tiễn và quá trình thực tiễn của sự phát triển” của Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, sự miêu tả gắn với các thao tác như “quan sát”, “sắp xếp”, “trừu tượng hóa”, v.v. thì điều đó có nghĩa là sự trình bày dựa trên *nhận thức của người nghiên*

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.37.

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.3, tr.39.

*cứu*. Ở đây, nảy sinh mấy vấn đề nan giải, mà nếu không nhận thức rõ ràng, thì rất có thể sự trình bày của người nghiên cứu về “quá trình đời sống hiện thực” của Hồ Chí Minh sẽ biến thành sự trình bày chủ quan, áp đặt.

*Thứ nhất*, có một điều chắc chắn là “quá trình đời sống hiện thực”, tức là hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh không phải là tập hợp các sự kiện và hoạt động của Hồ Chí Minh, mà là một chỉnh thể sống động xuyên qua các sự kiện và hoạt động. Vì thế, sự trình bày “quá trình đời sống hiện thực” không phải là một bản *biên niên* các sự kiện và hoạt động, mà phải là sự trình bày sao cho các sự kiện và hoạt động bộc lộ ra “sự phát triển lịch sử” của Hồ Chí Minh.

*Thứ hai*, hoạt động thực tiễn của con người nói chung, của Hồ Chí Minh nói riêng, luôn là thể thống nhất của cái chủ quan và cái khách quan. *Tính khách quan* trong hoạt động thực tiễn của con người thể hiện ở chỗ, con người hoạt động trong những *thể chế* xác định, với *công cụ* và *quan hệ* nhất định, mà những thể chế, công cụ và quan hệ này hầu hết là tồn tại độc lập với ý chí chủ quan và quy định hoạt động của chủ thể hoạt động. *Tính chủ quan* trong hoạt động thực tiễn của con người biểu hiện ở chỗ, bất chấp tất cả những thể chế, quan hệ và công cụ mang tính khách quan như vậy, chủ thể vẫn hành động dựa trên tư tưởng chủ quan của mình, dựa trên sự nhận thức và lý giải mang tính chủ quan của mình về những nhân tố khách quan nói trên. Sự nhận thức và lý giải đó có thể hoàn toàn đúng, có thể đúng một phần, có thể hoàn toàn sai, song dù sao, đó vẫn là *động cơ trực tiếp* chỉ đạo hoạt động của con người. Trong xã hội, mỗi cá thể xây dựng cho

mình một hình ảnh chủ quan về thế giới, và đúng như C.Mác nói, với sự tồn tại của con người thì không có cái gọi là thế giới khách quan thuần túy, tức là mỗi cá thể dựa trên sự nhận thức và lý giải của riêng mình mà tiến hành hoạt động. Do vậy, sự nhận thức cũng như hoạt động của các cá nhân trong xã hội là vô cùng phong phú và đa dạng. Chính vì hoạt động thực tiễn của con người nói chung, của Hồ Chí Minh nói riêng không thể được coi là một hoạt động thuần túy khách quan (bởi như vậy sẽ mắc phải sai lầm của chủ nghĩa duy vật tầm thường - thứ chủ nghĩa mà khuyết điểm lớn nhất của nó đã được C.Mác chỉ ra là “sự vật, hiện thực, cái cảm giác được, chỉ được nhận thức dưới hình thức *khách thể* hay hình thức *trực quan*, chứ không được nhận thức là *hoạt động cảm giác của con người*, là *thực tiễn*, không được nhận thức về mặt chủ quan”<sup>(5)</sup> - tức là không nhận thức được hoạt động thực tiễn của con người là thể thống nhất chủ - khách quan), cho nên, khi trình bày về hoạt động ấy cần phải chú ý đến mặt chủ quan, tức là ý thức, tư tưởng của Hồ Chí Minh *khảm nhập* trong đó. Không chú ý đến mặt chủ quan của Hồ Chí Minh chứa đựng trong hoạt động thực tiễn của Người, thì không vì thế mà sẽ có được một sự trình bày “khách quan”, thậm chí không tránh khỏi “lén lút” đưa ý thức, tư tưởng chủ quan của người nghiên cứu vào trong sự trình bày; do vậy, cái được trình bày sẽ không còn là hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh với tư cách cơ sở của tư tưởng Hồ Chí Minh nữa.

*Thứ ba*, hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh đóng vai trò là nguồn gốc, động

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.3, tr.9.

lực và tiêu chuẩn của ý thức, tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua quá trình nhận thức của Người về hoạt động thực tiễn ấy. Trong hoạt động thực tiễn, chủ thể sẽ kiểm chứng tính đúng - sai của nhận thức, tư tưởng của mình khảm nhập trong hoạt động ấy, và từ đó, hoặc là củng cố và phát triển nhận thức, tư tưởng đã có của mình, hoặc là điều chỉnh, thậm chí vứt bỏ nhận thức, tư tưởng đó để xây dựng những nhận thức, tư tưởng mới. Tuy nhiên, bản thân cái gọi là củng cố, phát triển, điều chỉnh hay vứt bỏ cũng là hoạt động nhận thức. Nói cách khác, hoạt động thực tiễn của chủ thể luôn diễn ra đồng thời với hai quá trình song trùng là nhận thức của chủ thể về hoạt động thực tiễn của mình và nhận thức của chủ thể về nhận thức của mình thể hiện trong hoạt động thực tiễn ấy. Chính vì vậy, khi trình bày hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh, cần phải chú ý không chỉ đến nhận thức, tư tưởng của Hồ Chí Minh *trong* hoạt động ấy, mà còn phải chú ý đến nhận thức, tư tưởng của Hồ Chí Minh *về* hoạt động ấy.

Nói tóm lại, việc trình bày cơ sở thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh phải chú trọng làm rõ tính chất “cơ sở” của hoạt động thực tiễn ấy đối với tư tưởng Hồ Chí Minh, mà tính chất cơ sở ấy gắn liền với nhận thức và tư tưởng của Người. Nhận thức và tư tưởng của Hồ Chí Minh *trong* và *về* hoạt động thực tiễn của Người chính là một phần của hoạt động thực tiễn Hồ Chí Minh, của “quá trình đời sống hiện thực của Hồ Chí Minh”. Tìm ra những luận điểm thể hiện nhận thức của Hồ Chí Minh *trong* và *về* hoạt động thực tiễn của Người là một *căn cứ* quan trọng để xác định, đồng thời cũng chính là *một phần của sự trình bày* về cơ sở thực tiễn

của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu các tác phẩm mà Hồ Chí Minh để lại, chúng ta có thể tìm ra được một số luận điểm mang tính phản tư về cuộc đời của chính Người, chẳng hạn: “Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó. Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, uỷ thác cho tôi gánh việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhẩn nhục cố gắng - cũng vì mục đích đó. Ngày nay vâng lệnh Chính phủ, theo ý quốc dân, tôi phải xa xôi ngàn dặm, tạm biệt đồng bào, cùng với đoàn đại biểu qua Pháp - cũng vì mục đích đó. Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích, làm cho ích quốc lợi dân”(6).

Như vậy, hoạt động thực tiễn, “quá trình đời sống hiện thực” của Hồ Chí Minh là sự thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về “quyền lợi của Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân”, đồng thời thông qua quá trình hoạt động thực tiễn ấy, qua “quá trình đời sống hiện thực ấy” mà tư tưởng Hồ Chí Minh về “quyền lợi của Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân” ngày càng được phát triển. Theo đó, việc trình bày cơ sở thực tiễn, “quá trình đời sống hiện thực” của Hồ Chí Minh cần phải xoay quanh “mục đích” duy nhất này.

#### *Về cơ sở lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh*

Tiếp cận triết học Mác - Lênin về cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh còn đòi hỏi phải làm rõ các *cơ sở lý luận*. Ph.Ăngghen đã viết: “... bất cứ học thuyết nào, ... trước hết phải xuất phát từ những

(6) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.4. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.240.

tư liệu tư tưởng đã tích lũy từ trước, mặc dù gốc rễ của nó nằm sâu trong những sự kiện kinh tế vật chất”(7).

Các nhà nghiên cứu nói chung cũng nhất trí cho rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành và phát triển dựa trên những cơ sở lý luận nhất định. Vấn đề đặt ra ở đây là xác định được những “tư liệu tư tưởng đã tích lũy từ trước” đóng vai trò cơ sở của tư tưởng Hồ Chí Minh và trình bày những tư liệu đó với tư cách cơ sở lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Để tránh mắc phải sai lầm, hoặc rơi vào sự tùy tiện khi xác định và trình bày những cơ sở lý luận này (mà những sai lầm hoặc sự tùy tiện ở đây còn dễ mắc phải hơn so với khi trình bày hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh), chúng tôi cho rằng, cũng cần phải chú ý đến nhận thức của Người về các tư liệu tư tưởng này, cụ thể là Hồ Chí Minh nói đến những tư liệu tư tưởng nào và *hiểu như thế nào về các tư liệu* ấy. Nói cách khác, phải xuất phát từ những “dấu vết” mà các tư liệu tư tưởng đã để lại trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thông qua các bài nói, bài viết của Người, để truy nguyên, xác định và trình bày những tư liệu tư tưởng ấy.

Xuất phát từ quan điểm của triết học Mác - Lênin, chúng ta đều thừa nhận rằng, tư tưởng của một cá nhân, nhất là tư tưởng ở trình độ khái quát cao về lý luận như tư tưởng Hồ Chí Minh, bao giờ cũng bắt nguồn từ những “tư liệu tư tưởng đã tích lũy từ trước”. Song, không phải “tư liệu tư tưởng đã tích lũy từ trước” nào cũng đóng vai trò cơ sở lý luận cho tư tưởng của chủ thể. Tư liệu nào và tư liệu ấy đóng vai trò cơ sở lý luận cho tư tưởng của chủ thể như thế nào, điều đó được quyết định một phần quan trọng bởi *sự nhận thức của chủ thể về tư liệu* ấy. Nhận thức của chủ thể sẽ quyết định việc

chủ thể có tiếp nhận hay không, tiếp nhận đến đâu những nội dung tư tưởng chứa đựng trong tư liệu ấy. Giữa các chủ thể khác nhau, hoặc thậm chí ở cùng một chủ thể nhưng trong những thời kỳ khác nhau, thì sự nhận thức về các “tư liệu tư tưởng đã tích lũy từ trước” có thể và thường là khác nhau. Chính vì vậy, tư tưởng của các chủ thể hoặc của một chủ thể nhưng ở những thời kỳ khác nhau hình thành trên cơ sở nhận thức khác nhau ấy cũng khác nhau.

Trước hết, chúng ta thấy rằng, những *giá trị tư tưởng - văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam* đã hình thành và tồn tại trước Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh cùng với nhiều nhà yêu nước Việt Nam khác cùng hướng vào nhận thức và khai thác các giá trị ấy. Song, rõ ràng là Hồ Chí Minh đã thành công hơn so với nhiều nhà yêu nước Việt Nam khác. Giáo sư Trần Văn Giàu đã từng nhận xét rằng, trước Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, thế hệ các nhà yêu nước tiền bối đã huy động tất cả mọi “vũ khí”, tức là các giá trị tư tưởng - văn hóa truyền thống, mà cha ông chúng ta tích lũy được trong lịch sử để chống thực dân Pháp, song đều không thành công. Đến Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng nhân dân Việt Nam ấy, cũng truyền thống Việt Nam ấy, song đã làm nên những kỳ tích được đánh giá là để lại dấu ấn trong quá trình phát triển lịch sử dân tộc và nhân loại. Điều đó cho thấy, Hồ Chí Minh nhận thức về các giá trị truyền thống có ít nhiều khác biệt so với thế hệ các nhà yêu nước tiền bối. Cũng chính vì có sự nhận thức khác nên mới có tư tưởng Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam theo ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh mới

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.19. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.275.

thành công.

Điều này cũng đúng với các cơ sở lý luận khác của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đối với *chủ nghĩa Mác - Lênin*, nội dung và giá trị lớn nhất của học thuyết này, theo Hồ Chí Minh, là “phương pháp làm việc biện chứng”. Chính từ cách hiểu như vậy, Hồ Chí Minh đã chú trọng kế thừa phương pháp biện chứng - duy vật của học thuyết Mác - Lênin, trên cơ sở đó xây dựng nên phương pháp tư duy, phương pháp hành động và hệ thống tư tưởng mang tính biện chứng sâu sắc của mình. Đối với các *giá trị tư tưởng - văn hóa phương Đông*, chẳng hạn như Khổng giáo, Hồ Chí Minh đã đánh giá rằng bên cạnh những hạn chế, Khổng giáo còn chứa đựng nhiều giá trị, trong đó nổi bật là tư tưởng đề cao lôgic “tu, tề, trị, bình”. Trong bối cảnh Khổng giáo bị phê phán đến mức cực đoan ngay trên quê hương của nó, Hồ Chí Minh vẫn khẳng định: “Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì ta nên học” (8). Đối với các *giá trị tư tưởng - văn hóa phương Tây*, Hồ Chí Minh đặc biệt đánh giá cao tư tưởng - văn hóa dân chủ. Chính vì thế, trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề dân chủ có vai trò cực kỳ quan trọng, v.v..

Như vậy, việc chú trọng sự nhận thức của Hồ Chí Minh về các “tư liệu tư tưởng đã tích lũy từ trước” là một *căn cứ* quan trọng để xác định, đồng thời là *một phần của sự trình bày* về cơ sở lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh. Không chú trọng điều này thì sẽ rơi vào *trình bày nhận thức riêng của nhà nghiên cứu* về các “tư liệu tư tưởng đã tích lũy từ trước”. Mà như vậy thì không phải là trình bày cơ sở lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh, mà thực chất là trình bày cơ sở lý luận của tư

tưởng của nhà nghiên cứu.

Về bối cảnh của tư tưởng Hồ Chí Minh

Tương tự như việc xác định và trình bày các cơ sở thực tiễn và lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh, việc trình bày bối cảnh lịch sử của sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh cũng đòi hỏi phải chú trọng sự nhận thức của Người về bối cảnh ấy. Tuy nhiên, điều đáng tiếc là một số tài liệu trình bày về bối cảnh lịch sử của tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện sự *tùy tiện*, trong đó người viết trình bày về bối cảnh ấy bằng những tri thức của ngày hôm nay (đầu thế kỷ XXI) và với *nhận thức của người nghiên cứu* về bối cảnh ấy.

Chúng ta đều biết rằng, trước cùng một bối cảnh lịch sử, mỗi chủ thể có cách nhận thức riêng và từ đó, hình thành nên tư tưởng của mình. Cùng bối cảnh lịch sử Việt Nam và thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, các nhà yêu nước Việt Nam đã có những cách nhận thức riêng của mình và từ đó rút ra những kết luận lý luận khác nhau. Chẳng hạn, cùng nhận thức về cơ cấu xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX, cụ Phan Bội Châu cho rằng sự phân hóa giai cấp trong nội bộ dân tộc Việt Nam là chưa triệt để và do vậy, không thể vận dụng quan điểm giai cấp để giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam, bởi như thế chỉ đưa tới sự chia rẽ và làm suy yếu sức mạnh đoàn kết của dân tộc. Trái lại, Hồ Chí Minh cho rằng, việc vận dụng quan điểm giai cấp để giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam là một cuộc cách mạng trong tư duy, bởi quan điểm ấy không chỉ giúp thấy được quan hệ giai cấp trong nội bộ nhân dân Việt Nam, mà còn thấy được quan hệ giai cấp giữa các tầng lớp nhân dân lao động Việt Nam với thực dân Pháp, thấy được

(8) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.6. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.46.

áp bức giai cấp là bản chất của áp bức dân tộc trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, thấy được quan hệ biện chứng giữa dân tộc và giai cấp. Nghĩa là, việc áp dụng quan điểm giai cấp vào nhận thức hiện thực và vạch ra đường lối cách mạng không những không làm suy yếu, mà còn tăng cường sức mạnh đoàn kết, sức mạnh đấu tranh của nhân dân Việt Nam. Cần nhớ rằng, Hồ Chí Minh đến với học thuyết Mác - Lênin không phải để tìm trong đó những lời giải có sẵn cho cách mạng Việt Nam, mà là đến với một công cụ nhận thức giúp nhận thức đúng đắn về hiện thực xã hội, và thông qua nhận thức đúng đắn mà vạch ra con đường đúng đắn cho cách mạng Việt Nam. Thực tế cho thấy, ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã tập trung phân tích hiện thực xã hội Việt Nam và thế giới, phát hiện ra trong đó những vấn đề mang tính bản chất, quy luật của sự tồn tại và biến đổi, từ đó khái quát nên những luận điểm quan trọng về cách mạng Việt Nam. Chẳng hạn, xem xét sự kiện tháng 11 năm 1922, khi 600 thợ nhuộm ở Chợ Lớn (Nam Kỳ) tiến hành bãi công vì bị bớt lương và kéo theo cuộc đấu tranh của công nhân ở nhiều địa phương khác, Hồ Chí Minh đã nhìn thấy ở sự kiện này “dấu hiệu của thời đại” - thời đại mà “khắp nơi giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình”(9) - dấu hiệu mà không phải chủ thể nhận thức nào ở thời kỳ ấy cũng có thể nhận ra.

Mặt khác, việc chú ý đến nhận thức của Hồ Chí Minh về bối cảnh lịch sử là rất cần thiết. Người không đứng ngoài bối cảnh ấy như một nhà nghiên cứu tiến hành hoạt động nhận thức, mà tích cực tham gia vào bối cảnh, tạo nên bối cảnh và để lại dấu ấn chủ quan của mình trong đó. Do vậy, sự nhận thức về bối cảnh của

Hồ Chí Minh càng có vai trò quan trọng trong quá trình hình thành tư tưởng của Người. Có thể nói, để xác định và trình bày được bối cảnh lịch sử với tư cách bối cảnh lịch sử của tư tưởng Hồ Chí Minh, cần phải chú ý đến sự nhận thức của Người về bối cảnh này.

Tóm lại, chúng tôi cho rằng, nếu nhận thức của Hồ Chí Minh về các cơ sở thực tiễn, cơ sở lý luận và bối cảnh lịch sử có vai trò quan trọng trong sự hình thành tư tưởng của Người, thì rõ ràng những luận điểm thể hiện nhận thức nói trên của Hồ Chí Minh là những căn cứ để *xác định và trình bày* đúng các cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhận thức của Hồ Chí Minh về các cơ sở thực tiễn, lý luận và bối cảnh dĩ nhiên không phải là chính các cơ sở thực tiễn, lý luận và bối cảnh ấy, song thực tiễn, lý luận và bối cảnh đóng vai trò cơ sở của tư tưởng Hồ Chí Minh một phần quan trọng, chủ yếu là thông qua sự nhận thức của Hồ Chí Minh về chúng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm nhiều cấp độ và vì thế, phương thức tác động của các cơ sở thực tiễn, lý luận và bối cảnh đến tư tưởng của Người cũng có nhiều cấp độ. Song, nếu xét tư tưởng Hồ Chí Minh ở cấp độ một hệ thống lý luận được xây dựng một cách *chủ động* và *tự giác*, thì rõ ràng sự nhận thức tự giác và chủ động của Người về hoạt động thực tiễn, về các tư liệu tư tưởng và về bối cảnh lịch sử có vai trò rất quan trọng đối với sự hình thành hệ thống tư tưởng ấy. Vì vậy, những nhận thức đó của Hồ Chí Minh cần được coi là căn cứ xác định và là một phần trong sự trình bày của người nghiên cứu về các cơ sở thực tiễn, cơ sở lý luận và bối cảnh lịch sử hình thành hệ thống tư tưởng của Người. □

(9) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.2, tr.114.